



Người ký: Ủy ban nhân
dân huyện Bắc Tân Uyên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN**

Số: 239 /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bắc Tân Uyên, ngày 25 tháng 11 năm 2021

BÁO CÁO

Công tác cải cách hành chính năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Bình Dương

Thực hiện Kế hoạch 201/KH-UBND ngày 25/01/2020 của UBND huyện Bắc Tân Uyên về công tác cải cách hành chính năm 2021, UBND huyện Bắc Tân Uyên báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính (CCHC) năm 2021 với những nội dung như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Kế hoạch cải cách hành chính

Ngày 25/01/2021, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 201/KH-UBND về công tác CCHC năm 2021 trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên. Trong đó, kế hoạch tập trung thực hiện 28 nhiệm vụ trọng tâm; giao trách nhiệm cụ thể cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương chủ trì tham mưu triển khai công tác CCHC năm 2021. Đến nay, UBND huyện hoàn thành 28/28 nhiệm vụ theo kế hoạch đề ra.

2. Công tác tổ chức chỉ đạo, điều hành

- Nhằm quán triệt, tổ chức thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của tỉnh và triển khai toàn diện, có hiệu quả công tác CCHC năm 2021, UBND huyện đã kịp thời ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung CCHC trên địa bàn huyện.¹

- Thực hiện Kế hoạch số 01/KH- HĐĐG ngày 08/01/2021 của Hội đồng đánh giá Chỉ số CCHC của tỉnh về tự đánh giá, chấm điểm để xác định Chỉ số

¹ Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 25/01/2021 về công tác cải cách hành chính năm 2021; Kế hoạch số 1610/KH-UBND ngày 04/6/2021 về kiểm tra thực hiện công tác cải cách hành chính; xây dựng chính quyền thân thiện, công sở thân thiện và công tác Văn thư - lưu trữ của các cơ quan và UBND cấp xã năm 2021; Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 về việc ban hành Kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản QPPL năm 2021 trên địa bàn huyện; Công văn số 3925/UBND-NC, theo đó yêu cầu các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn cung cấp các tài liệu kiểm chứng đảm bảo đúng và đầy đủ theo từng tiêu chí, tiêu chí thành phần; Kế hoạch số 3956/KH-UBND ngày 31/12/2020 về cải cách, kiểm soát TTHC; Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 15/01/2021 về triển khai công tác cải cách, kiểm soát TTHC; ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC năm 2021 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 1659/KH-UBND ngày 16/6/2020 về tuyên truyền và hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích; Kế hoạch số 3724/KH-UBND ngày 12/10/2021 về duy trì và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính của huyện năm 2021...

CCHC năm 2020 của các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Bình Dương, UBND huyện đã tổng hợp báo cáo tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2020 của huyện, đồng thời kiểm tra, phê duyệt báo cáo tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2020 đối với 10 xã, thị trấn. Kết quả thẩm định: huyện Bắc Tân Uyên tiếp tục xếp thứ 7/9 huyện, thị xã, thành phố, đạt 86.91/100 điểm (*giảm 1,84 điểm so với năm 2020*). Kết quả Chỉ số CCHC của UBND 10 xã, thị trấn thuộc huyện Bắc Tân Uyên như sau: xã Bình Mỹ hạng 09, xã Đất Cuốc hạng 32, thị trấn Tân Bình hạng 35, thị trấn Tân Thành hạng 45, xã Lạc An hạng 83, xã Hiếu Liêm hạng 86, xã Tân Định hạng 87, xã Tân Lập hạng 88, xã Thường Tân hạng 89, xã Tân Mỹ hạng 90.

- Về việc sử dụng kết quả Chỉ số CCHC: UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 3724/KH-UBND ngày 12/10/2021 về duy trì và nâng cao Chỉ số cải cách hành chính năm 2021. Trong đó yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai phổ biến, tuyên truyền kết quả Chỉ số CCHC đến đội ngũ CBCCVC nhằm nâng cao nhận thức và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ CBCCVC trong thực hiện CCHC; qua đó đề ra phương hướng, giải pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả triển khai thực hiện CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương trong thời gian tới.

3. Công tác tuyên truyền

Công tác tuyên truyền CCHC đã được huyện ban hành lồng ghép trong Kế hoạch công tác CCHC năm 2021, theo đó tuyên truyền sâu rộng đến đội ngũ CBCC, VC và nhân dân trên địa bàn huyện các nội dung như: Tập trung thông tin, tuyên truyền mục đích, ý nghĩa, nội dung Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2030; các văn bản - chính sách mới được ban hành; tình hình công khai thủ tục hành chính; về sắp xếp tổ chức, bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; hướng dẫn công dân đánh giá mức độ hài lòng đối với chất lượng dịch vụ hành chính công tại huyện, xã, thị trấn; khuyến khích công dân thẳng thắn phản ánh CBCCVC có thái độ quan liêu, hành vi ứng xử không phù hợp; các thông tin cần biết khi thực hiện TTHC tập trung trên một số lĩnh vực chủ yếu như: Đất đai, xây dựng, đăng ký kinh doanh, hộ khẩu, hộ tịch,...thông qua các hình thức như: Đưa tin, bài, chuyên mục về thực hiện CCHC trên Đài Truyền thanh huyện, hệ thống loa phát thanh, Trang thông tin điện tử của huyện, các buổi hội nghị tuyên truyền PBGD pháp luật, sinh hoạt “Ngày Pháp luật”.

Năm 2021, Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thanh huyện đã thực hiện được 48 chuyên đề về cải cách hành chính vào chiều thứ sáu hàng tuần. Mỗi chuyên đề có thời lượng khoảng 15 phút, trong đó bao gồm 5 tin, 1 bài. Tổng thời lượng trong năm phát 12 giờ với 240 tin và 48 bài. Bên cạnh đó, trong

chương trình thời sự hàng ngày cũng có đưa tin, bài nói về cải cách hành chính, ước tính cả năm khoảng 100 tin và 20 bài.

4. Công tác kiểm tra

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 1610/KH-UBND ngày 04/6/2021 về kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC; xây dựng chính quyền thân thiện, công sở thân thiện và công tác văn thư – lưu trữ năm 2021 tại các cơ quan, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Căn cứ Kế hoạch kiểm tra, UBND huyện đã thành lập Đoàn kiểm tra theo Quyết định số 1662/QĐ-UBND ngày 30/8/2021 và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Đoàn kiểm tra.

Nội dung kiểm tra tập trung vào 6 nhóm nhiệm vụ trọng tâm của công tác CCHC. Căn cứ theo Kế hoạch, Đoàn kiểm tra công tác CCHC của huyện đã tổ chức kiểm tra đối với 03 cơ quan chuyên môn (*Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Quản lý đô thị và Phòng Lao động Thương binh và Xã hội*) và 04 UBND xã (*Tân Lập, Tân Định, Hiếu Liêm, Đất Cuốc*), đạt tỷ lệ 32% trên tổng số cơ quan, đơn vị, địa phương được kiểm tra hàng năm theo quy định. Trên cơ sở những kết quả đạt được cũng như những hạn chế của các cơ quan, đơn vị được kiểm tra, Đoàn kiểm tra đã kiến nghị UBND huyện có văn bản chỉ đạo, đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan, đơn vị chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế trong quá trình thực hiện công tác CCHC, xây dựng chính quyền thân thiện, công sở thân thiện và công tác văn thư – lưu trữ trong thời gian tới, đồng thời yêu cầu các cơ quan, đơn vị đề ra biện pháp khắc phục những khuyến điểm, hạn chế và có báo cáo kết quả thực hiện gửi UBND huyện.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Cải cách thể chế

- Trong năm 2021, UBND huyện xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 431/QĐ-UBND ngày 10/3/2021 về ban hành Kế hoạch kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản QPPL năm 2021 trên địa bàn huyện; Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 08/01/2021 về công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND huyện tính đến ngày 31/12/2020; Báo cáo số 02/BC-UBND ngày 08/01/2021 về kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 của UBND huyện, kịp thời phát hiện những văn bản hết hiệu lực thi hành hoặc không còn phù hợp với quy định Luật Ban hành văn bản QPPL.

- Ban hành Công văn số 1749/UBND-NC ngày 15/6/2021 về việc xử lý kết quả rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật năm 2020, theo đó số văn bản QPPL cần được xử lý (sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, bãi bỏ) trong năm 2021 là 17 văn bản QPPL (Quyết định), Kết quả đã xử lý 14/17 văn bản (*còn 03/17 văn bản đang trong quá trình tham mưu*).

- Bên cạnh đó, UBND huyện và UBND các xã, thị trấn đã tích cực tham gia góp ý đối với các văn bản QPPL của cấp trên, việc tổng hợp các ý kiến góp ý gửi về Sở Tư pháp cơ bản đảm bảo nội dung và thời gian theo yêu cầu.

2.Cải cách thủ tục hành chính

a) Kiểm soát thủ tục hành chính

- Để thực hiện nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính (TTHC), kiểm soát TTHC năm 2021 trên địa bàn huyện, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 150/KH-UBND ngày 15/01/2021 về triển khai công tác cải cách, kiểm soát TTHC; ứng dụng công nghệ thông tin và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC năm 2021 trên địa bàn huyện; thường xuyên chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn thực hiện các nội dung về cải cách TTHC.

- Về công khai TTHC: Hiện nay, tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện là 258 TTHC/50 lĩnh vực; cấp xã là 127 TTHC/36 lĩnh vực. 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết cấp huyện, cấp xã được niêm yết công khai tại Bộ phận Một cửa, gồm: Các Quyết định công bố TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh, danh mục TTHC, quy trình, thành phần hồ sơ, thời gian giải quyết, các mẫu đơn, tờ khai và phí, lệ phí. Đồng thời niêm yết công khai danh mục TTHC được thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 và tiếp nhận, trả kết quả thông qua bưu chính công ích.

- Về công tác lưu trữ hồ sơ giải quyết TTHC: Hồ sơ giải quyết TTHC được lưu trữ theo hướng dẫn của Trung tâm Hành chính công tỉnh Bình Dương, đảm bảo hồ sơ cá nhân, tổ chức không bị thất lạc, dễ tìm kiếm, giải quyết nhanh chóng, hiệu quả.

- Về tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị (PAKN): tại Bộ phận Một cửa của huyện và các xã, thị trấn đều đã niêm yết công khai địa chỉ và số điện thoại tiếp nhận PAKN về TTHC của Phòng Kiểm soát thủ tục hành chính tỉnh; cấp phát tờ rơi cung cấp thông tin về tiếp nhận PAKN. Trong năm 2021, huyện không nhận được PAKN nào của các cá nhân, tổ chức về quy định hành chính.

- Về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính: Đầu năm 2021, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 3956/KH-UBND ngày 31/12/2020 về việc rà soát, đánh giá TTHC năm 2021, hầu hết UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện việc rà soát, đánh giá, theo đó giao 07 đơn vị thuộc huyện tổ chức rà soát, đánh giá 07 TTHC nhằm kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ những quy định về TTHC không cần thiết, không hợp lý. Kết quả rà soát, đánh giá được yêu cầu hoàn thành trước ngày 01/12/2021.

b) Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông

- Triển khai có hiệu quả Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và Thông tư số 01/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Tổng số TTHC thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông ở cấp huyện là 258 TTHC/50 lĩnh vực (đạt tỷ lệ 100% TTHC được tính công bố thuộc thẩm quyền của cấp huyện); cấp xã là 127 TTHC/36 lĩnh vực (đạt tỷ lệ 100% TTHC được tính công bố thuộc thẩm quyền của cấp xã).

- Kết quả giải quyết TTHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2021 như sau:

+ Cấp huyện: Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận là 10.076 hồ sơ, trong đó: Đã giải quyết và trả kết quả đúng hạn là 9.868 hồ sơ, tỷ lệ 98,76%; trễ hạn 124 hồ sơ, tỷ lệ 1,24% (*Thuộc lĩnh vực đất đai*) và 84 hồ sơ đang giải quyết trong hạn. Lý do trễ hạn: Hồ sơ mang tính chất phức tạp, quá trình giải quyết cần phải xác minh hiện trạng và lấy ý kiến từ các ngành, địa phương. Quá trình đo đạc, ranh giới thay đổi có liên quan đến chủ sử dụng đất liền kề do đó phải mời các bên có liên quan để giải quyết, đồng thời lấy ý kiến của UBND cấp xã. Bên cạnh đó, một số quy định về mục đích sử dụng đất còn chồng chéo, chưa rõ ràng nên trong quá trình thực hiện vừa phải tham mưu giải quyết, vừa phải xin ý kiến từ cơ quan cấp trên. Sự phối hợp thực hiện giữa các cơ quan, đơn vị trong một vài trường hợp chưa được đồng bộ.

+ Cấp xã: Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận, giải quyết là 26.056 hồ sơ, giải quyết đúng hạn 26.042 hồ sơ, quá hạn 12 hồ sơ, đang giải quyết 2 hồ sơ trong hạn.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Việc tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện được thực hiện đúng theo quy định tại Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ và Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị thường xuyên được rà soát, sửa đổi, bổ sung kịp thời theo quy định của Bộ, ngành Trung ương và hướng dẫn của các Sở, ngành tỉnh đảm bảo đúng quy định pháp luật.

- Về kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của các cơ quan chuyên môn: UBND huyện đã ban hành kế hoạch và tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình tổ chức và hoạt động của 03 cơ quan chuyên môn huyện. Qua kiểm tra, các cơ quan đều đã ban hành Quy chế làm việc và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan; đảm bảo thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Về thực hiện phân cấp quản lý: Dựa trên các văn bản quy định phân cấp quản lý về các ngành, lĩnh vực giữa UBND tỉnh, các sở, ngành với UBND huyện, huyện đã ban hành các quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn thuộc huyện đảm bảo tuân thủ đúng quy định về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được phân cấp.

4. Xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức

a) Về vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức

- Thực hiện Nghị định số 36/2013/NĐ-CP ngày 22/4/2013 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức, UBND huyện đã xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của UBND huyện và được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 310/QĐ/UBND ngày 04/02/2020. 100% công chức tại các cơ quan, đơn vị được bố trí theo vị trí việc làm và tiêu chuẩn ngạch công chức.

- Chỉ tiêu biên chế công chức, số người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp và các Hội của UBND huyện trong năm 2021 được UBND tỉnh giao là: biên chế hành chính: 86 người, sự nghiệp: 18 người, Hội: 3 người, lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP: 06 người. Trên cơ sở đó, UBND huyện đã ban hành các quyết định phân bổ biên chế cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc. Hiện nay, tổng số biên chế hành chính: 79 người, biên chế sự nghiệp: 18 người, Hội: 3 người và lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP là 05 người.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 1488/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 của UBND tỉnh Bình Dương về phê duyệt số lượng hợp đồng ngoài hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP được HĐND tỉnh giao năm 2021 và Công văn số 989/SNV-CCVC ngày 11/6/2021 của UBND tỉnh về việc thông báo phân bổ số lượng hợp đồng ngoài hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP. UBND huyện Bắc Tân Uyên được giao chỉ tiêu là 19 người. Đến nay, số lượng hợp đồng hiện có là 19 người (cấp huyện: 09 người, cấp xã: 10 người).

b) Công tác cán bộ, công chức cấp huyện

Trong năm 2021, UBND huyện đã tổ chức thi tuyển chức danh Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị huyện, Phó Chánh Văn phòng HĐND-UBND huyện; tiếp nhận: 01 trường hợp, tiếp nhận và bổ nhiệm: 1 trường hợp; điều động: 5 trường hợp, điều động và bổ nhiệm: 1 trường hợp, bổ nhiệm lại lãnh đạo, quản lý tại các cơ quan: 04 trường hợp; bổ nhiệm không qua thi tuyển 03 trường hợp, đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo quy định của pháp luật.

c) Công tác cán bộ, công chức cấp xã

Đối với cấp xã, tổng số CBCC cấp xã hiện có là 204 người (trong đó cán bộ 95 người, công chức 109 người), đến nay có 99% cán bộ đạt chuẩn và 100% công chức đạt chuẩn theo quy định.

d) Công tác đào tạo, bồi dưỡng

- UBND huyện đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2021. Qua đó, huyện cử 429 trường hợp CBCCVC tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, đảm bảo phù hợp với trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Kết quả trong năm 2021, có 322/429 trường hợp cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng theo thông báo của Sở Nội vụ (còn lại 107 trường hợp chưa được tham gia bồi dưỡng do tình hình dịch bệnh Covid-19 phức tạp nên Sở Nội vụ chưa mở lớp).

- Việc giải quyết các chế độ hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC được UBND huyện thực hiện đúng theo quy định tại Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương. Kết quả trong năm 2021, UBND huyện đã giải quyết 12 trường hợp.

5. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ và thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Đến nay, tổng số cơ quan, đơn vị thực hiện là 56, cụ thể:

+ Thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ là 28 đơn vị, gồm 12 cơ quan hành chính, 06 cơ quan đảng, đoàn thể và 10 xã, thị trấn.

+ Thực hiện Nghị định số 16/2015/NĐ-CP của Chính phủ là 28 đơn vị, gồm 22 đơn vị giáo dục và 06 đơn vị sự nghiệp khác.

- Công tác lập dự toán, chấp hành dự toán của huyện nhìn chung được thực hiện đúng thời gian, nội dung quy định. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đúng quy trình, có thảo luận, công khai trong cán bộ, công chức và quy định rõ việc phân phối tăng thêm thu nhập vào cuối năm dựa trên kết quả công tác của từng cán bộ, công chức.

6. Hiện đại hóa nền hành chính

a) Việc ứng dụng công nghệ thông tin

Việc đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu... cơ bản phục vụ được nhu cầu xử lý công tác nghiệp vụ của các cơ quan,

đơn vị huyện và UBND các xã, thị trấn. Các dự án đầu tư đã được đưa vào vận hành, khai thác triệt để, sử dụng hiệu quả các trang thiết bị. Một số kết quả đạt được về hạ tầng kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) của huyện cụ thể như sau:

- Hạ tầng kỹ thuật CNTT tại các cơ quan, đơn vị huyện và UBND các xã, thị trấn được đầu tư nâng cấp đồng bộ. Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức của huyện có trang bị máy tính đạt 100%, 100% các xã, thị trấn đã có mạng nội bộ (LAN); UBND huyện và UBND các xã, thị trấn đã kết nối mạng diện rộng (WAN) của tỉnh thông qua mạng truyền số liệu chuyên dùng. 100% UBND các xã, thị trấn đảm bảo mô hình kết nối mạng Internet thông qua thiết bị cân bằng tải phân chia mục đích sử dụng giữa đường truyền số liệu chuyên dùng và Internet. Về cơ bản đã hoàn tất, chuẩn bị được cơ sở hạ tầng thông tin trên nền tảng sử dụng các công nghệ tiên tiến nhằm phục vụ cho các cơ quan nhà nước, đặc biệt là trong bối cảnh đòi hỏi ngày càng cao của việc ứng dụng CNTT trong các cơ quan, đơn vị.

- Trang bị các thiết bị bảo mật và được cấu hình đồng bộ, thống nhất theo quy hoạch chung, đáp ứng an toàn thông tin, đảm bảo điều kiện kỹ thuật cho cán bộ, công chức hoạt động cũng như phục vụ các ứng dụng dùng chung do tỉnh triển khai (một cửa điện tử, dịch vụ công trực tuyến, quản lý văn bản, hội nghị truyền hình,...). 100% hạ tầng CNTT ở UBND huyện và UBND các xã, thị trấn được đầu tư đồng bộ đảm bảo kết nối đường truyền số liệu chuyên dùng và 01 đường Internet tập trung của đơn vị thông qua thiết bị tường lửa và cân bằng tải. Hạ tầng CNTT bộ phận một cửa được trang bị đồng bộ và đảm bảo phục vụ công tác tiếp nhận xử lý hồ sơ thủ tục hành chính, dịch vụ công các mức độ.

- Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đã được trang bị đến cấp xã, hiện trên địa bàn huyện có 12 điểm cầu truyền hình đáp ứng các cuộc họp trực tuyến có bảo mật cao chạy trên hạ tầng mạng truyền số liệu chuyên dùng, nâng cao phương tiện, năng lực điều hành chỉ đạo của các cấp lãnh đạo từ tỉnh đến cấp xã. Công tác triển khai sử dụng chứng thư số chuyên dùng trong việc phát hành, lưu chuyển văn bản điện tử trên môi trường mạng đạt tỷ lệ 100% đối tượng là cá nhân, tổ chức có thẩm quyền của huyện và các xã, thị trấn (đã được cấp, đào tạo, tập huấn sử dụng chứng thư số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp).

- Việc đẩy mạnh ứng dụng CNTT đã được các cơ quan, đơn vị huyện và UBND các xã, thị trấn quan tâm triển khai thực hiện, tăng cường triển khai thực hiện theo Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Bình Dương. Từng bước nâng cấp, mở rộng đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành, quản lý nhà nước ngày càng cao. Cổng thông tin điện tử của huyện được xây dựng, nâng cấp, đáp ứng các yêu cầu và các tiêu chuẩn kỹ thuật của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Một cửa huyện triển khai phần mềm đánh giá thái độ phục vụ cán bộ, qua đó phản ánh được tình hình hỗ trợ tổ chức, cá nhân khi thực hiện các thủ tục hành chính, giúp lãnh đạo có biện pháp chấn chỉnh kịp thời nếu phát hiện sai

phạm. Phần mềm một cửa điện tử được triển khai hoàn chỉnh thống nhất ở UBND huyện và UBND các xã, thị trấn; cung cấp các tiện ích thực hiện các nghiệp vụ xử lý hồ sơ, hỗ trợ tra cứu thông tin hồ sơ phục vụ cho người dân và doanh nghiệp... Kết nối liên thông với các ứng dụng chuyên ngành như tài nguyên môi trường (ViLIS), thuế...giúp cán bộ, công chức thụ lý hồ sơ một cách nhanh nhất.

- Phần mềm quản lý văn bản (QLVB) tập trung đã được triển khai cho các cơ quan, đơn vị huyện và UBND các xã, thị trấn. Đến nay, tỷ lệ cơ quan thực hiện kết nối, liên thông các phần mềm QLVB từ huyện đến cấp xã đạt tỷ lệ 100%. Các nghiệp vụ theo hướng dẫn của Quyết định số 28/2018/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước đã hoàn thiện và đưa vào khai thác vận hành.

- Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến: Trang thông tin điện tử của huyện đã tạo liên kết đến trang dịch vụ công của tỉnh, cung cấp đầy đủ các dịch vụ hành chính công thuộc thẩm quyền của UBND huyện và UBND xã, thị trấn. Đồng thời, hướng dẫn chi tiết quy trình thực hiện cho người dân là các cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp tìm hiểu, tham khảo.

b) Về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001:2015

- Thực hiện Kế hoạch số 2372/KH-UBND ngày 23/5/2019 của UBND tỉnh về việc xây dựng, áp dụng, chuyển đổi và mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại các cơ quan đơn vị hành chính tỉnh Bình Dương giai đoạn 2019-2021, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 1997/KH-UBND ngày 31/07/2019 nhằm kịp thời triển khai chuyển đổi việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên; Kế hoạch thực hiện Mục tiêu chất lượng năm 2021, song song với việc thực hiện chuyển đổi sang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn luôn đảm bảo giải quyết TTHC đúng quy trình, thời gian theo quy định; thường xuyên cập nhật danh mục TTHC do UBND tỉnh Bình Dương công bố và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm kịp thời sửa đổi, bổ sung quy trình ISO. Đồng thời, đảm bảo tuân thủ theo các quy định tại Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngày 17/02/2021 Ban chỉ đạo ISO huyện ban hành Kế hoạch số 367/KH-BCĐ về duy trì, cải tiến và mở rộng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động quản lý nhà nước trên địa bàn huyện Bắc Tân Uyên. Đến nay, các cơ quan chuyên môn và 10/10 xã, thị

trần đã chuyển đổi và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đảm bảo kế hoạch đề ra.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Được sự quan tâm, chỉ đạo quyết liệt của Huyện ủy, UBND huyện, các cơ quan chuyên môn đã chủ động tham mưu UBND huyện triển khai đồng bộ các nhiệm vụ trọng tâm trong công tác CCHC năm 2021 theo Kế hoạch đã đề ra, theo đó đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Chú trọng thực hiện, các văn bản QPPL của huyện được kiểm tra, rà soát, hệ thống phù hợp với quy định của pháp luật. Công khai, niêm yết đầy đủ, đúng quy định TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại Bộ phận một cửa của huyện và các xã, thị trấn. Nghiêm túc thực hiện theo sự chỉ đạo cấp trên về tổ chức bộ máy hành chính, không có trường hợp chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức giữa các cơ quan chuyên môn, đơn vị thuộc huyện. Triển khai đầy đủ, đúng quy định về việc áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động quản lý nhà nước tại các cơ quan, địa phương. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành được duy trì thực hiện có hiệu quả; việc áp dụng và duy trì hệ thống quản lý chất lượng giúp chất lượng cung cấp dịch vụ công ngày càng được nâng cao.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác cải cách hành chính trên địa bàn huyện còn một số hạn chế, khó khăn như:

- Việc chấm điểm, đánh giá Chỉ số CCHC của UBND huyện có nhiều chuyển biến tích cực tuy nhiên xếp hạng của huyện vẫn còn thấp, vẫn còn nhiều tiêu chí không đạt điểm, nhất là 02 lĩnh vực: Hiện đại hóa hành chính và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; đối với UBND các xã, thị trấn vẫn còn nhiều hạn chế, kết quả xếp hạng Chỉ số CCHC còn thấp. *Nguyên nhân chủ yếu: Do huyện là trụ sở tạm nên cơ sở vật chất chưa đảm bảo; công chức phụ trách CCHC tại UBND các xã, thị trấn thường xuyên thay đổi, chưa có nhiều kinh nghiệm trong công tác CCHC, hồ sơ, tài liệu phục vụ chấm điểm chấm chưa đảm bảo đúng nội dung hoặc còn thiếu sót.*

- Việc tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính thông qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 đã được huyện triển khai áp dụng, tuy nhiên hồ sơ phát sinh rất ít. *Nguyên nhân do đa phần người dân có tâm lý e ngại, còn gặp khó khăn trong thực hiện các thao tác xử lý thủ tục trên máy nên nhu cầu sử dụng các dịch vụ còn rất thấp.*

- Về việc sử dụng phần mềm Một cửa còn gặp một số khó khăn trong quá trình giải quyết hồ sơ TTHC như: Phần mềm chuyên ngành chưa kết nối đồng bộ với phần mềm một cửa điện tử.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ NĂM 2022

1. Căn cứ chương trình, kế hoạch về công tác cải cách hành chính Nhà nước của UBND tỉnh và các văn bản hướng dẫn của các Sở, ngành có liên quan, UBND huyện xây dựng và ban hành kế hoạch về công tác cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021 – 2030 và năm 2022 trên huyện Bắc Tân Uyên.

2. Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; chủ động tổ chức thực hiện các hội thi tìm hiểu công tác CCHC, kịp thời động viên, khen thưởng các cá nhân, tập thể có những sáng kiến hay, có thành tích tốt trong công tác CCHC.

3. Tập trung công tác rà soát, hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; nâng cao chất lượng công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính pháp lý, đồng bộ, cụ thể và khả thi của các văn bản được ban hành; tăng cường công tác kiểm tra và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, kịp thời kiến nghị hoặc theo thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các văn bản trái pháp luật hoặc không còn hiệu lực.

4. Xây dựng và tổ chức triển khai kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2022 đối với các cơ quan, đơn vị và UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

5. Thường xuyên kiểm tra, rà soát, đánh giá quy trình giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị. Qua đó có kiến nghị phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính.

6. Cập nhật đầy đủ, kịp thời các thủ tục hành chính mới ban hành hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện, các xã, thị trấn.

7. Đẩy mạnh các giải pháp nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng nhu cầu công việc theo vị trí việc làm nói chung và đội ngũ cán bộ, công chức phụ trách công tác cải cách hành chính nói riêng.

8. Tiếp tục tuyên truyền trên Đài Truyền thanh, Trang thông tin điện tử huyện, phát tờ rơi có in nội dung khuyến khích, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, nộp hồ sơ và nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích để nhân dân nắm bắt chủ trương, lợi ích và tích cực sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích.

9. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong hoạt động quản lý hành chính nhà nước, tăng cường sử dụng văn bản điện tử trong công tác quản lý, điều hành và trao đổi thông tin; đẩy mạnh ứng dụng chữ ký số; quan tâm đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc cho cán bộ, công chức, viên chức.

10. Chú trọng, quan tâm thực hiện việc xây dựng và cung cấp đầy đủ các tài liệu kiểm chứng phục vụ chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2021; triển khai rà



soát, thực hiện đúng theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần theo Bộ Chỉ số CCHC nhằm cải thiện, nâng cao Chỉ số CCHC của địa phương năm 2021.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC năm 2021 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện Bắc Tân Uyên./. *h*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.HU; TT.HĐND huyện;
- Chủ tịch; các Phó chủ tịch;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, PNV. *h*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Thái Thanh Bình



PHỤ LỤC

THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 239 /BC-UBND ngày 25 /11/2021 của UBND huyện Bắc Tân Uyên)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Công tác chỉ đạo điều hành CCHC			
1.1.	Kế hoạch CCHC		01	
1.1.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	28	
1.1.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	28	
1.1.3.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành	Văn bản	11	
1.2.	Kiểm tra CCHC	Cơ quan, đơn vị	07	
1.1.1.	Số đơn vị trực thuộc đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị	07	
1.1.2.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	20	
1.1.3.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	20	
1.1.4.	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức		0	
1.3.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	0	
1.3.1.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	0	
1.3.2.	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	0	
2.	Cải cách thể chế			
2.1.	Số VBQPPL đã ban hành/tham mưu ban hành	Văn bản	02	
2.2.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	0	
2.3.	Số VBQPPL đã rà soát	Văn bản	20	
2.4.	Số VBQPPL đã kiến nghị xử lý sau kiểm tra, rà soát	Văn bản	17	
2.5.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được	Văn bản	02	Các cơ quan

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	xử lý xong			đang trong quá trình xử lý.
3.	Cải cách thủ tục hành chính			
3.1.	Thống kê TTHC			
3.1.1.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
3.1.2.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
3.1.3.	Tổng số TTHC đang có hiệu lực	Thủ tục	385	
Trong đó	Số TTHC cấp tỉnh:	Thủ tục		
	Số TTHC cấp huyện:	Thủ tục	258	
	Số TTHC cấp xã:	Thủ tục	127	
3.2.	Vận hành Cổng dịch vụ công			
3.2.1.	Số TTHC đã cập nhật, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	280	Tỉnh đang cập nhật lại
3.2.2.	Số TTHC mức độ 3 và 4 đã tích hợp lên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	270	Tỉnh đang cập nhật lại
3.3.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
3.3.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	53	Cấp huyện: 50 Cấp xã: 03
3.3.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	11	Huyện - xã
3.3.3.	Tỷ lệ TTHC đã được phê duyệt quy trình nội bộ	%	100	
3.3.4.	Tỷ lệ quy trình nội bộ giải quyết TTHC đã được điện tử hóa	%	100	
3.4.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.4.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.4.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98,76	
3.4.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,95	
3.4.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực đất đai được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	98,58	
3.4.5.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC về lĩnh vực xây dựng được giải quyết đúng hạn (ở cả 3 cấp).	%	100	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.5.	Vận hành Công dịch vụ công			
3.5.1.	Số TTHC được tích hợp lên Cổng DVC	Thủ tục	280	
3.5.2.	Số TTHC cung cấp mức độ 3, 4 trên Cổng DVC	Thủ tục	270	
3.5.3.	Số TTHC đã tích hợp dịch vụ thanh toán trực tuyến.	Thủ tục	0	
4.	Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước			
4.1.	Cơ cấu tổ chức bộ máy			
4.1.1.	Số cơ quan chuyên môn cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.2.	Số ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
4.1.3.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Cơ quan, đơn vị		
4.1.4.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
Trong đó	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		
	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	06	
	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	14,3	
4.2.	Số liệu về biên chế công chức			
4.2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	86	
4.2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	79	
4.2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại cơ quan hành chính nhà nước	Người	05	
4.2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
4.3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
4.3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	21	
4.3.2.	Tổng số người làm việc có mặt	Người	21	
4.3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	0	
4.3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	0	
5.	Cải cách chế độ công vụ			
5.1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
5.1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	12	
5.1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	0	
5.1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	0	
5.2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
5.2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
5.2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
5.2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
5.2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	0	
5.2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	01	
5.3.	Số liệu về bổ nhiệm công chức lãnh đạo			
5.3.1.	Thực hiện tuyển chọn, bổ nhiệm lãnh đạo qua thi tuyển	Đã thực hiện = 1 Chưa thực hiện = 0	1	
5.3.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành được bổ nhiệm mới	Người		
5.3.4.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc UBND huyện được bổ nhiệm mới	Người	02	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.4.	Số liệu về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức (cả về Đảng và chính quyền).		0	
5.4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người		
5.4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người		
5.4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
5.4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
6.	Cải cách tài chính công			
6.1.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên và chi đầu tư (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	02	
6.2.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	01	
6.3.	Số đơn vị SNCL đã thực hiện tự chủ một phần chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
6.4.	Số đơn vị SNCL do nhà nước đảm bảo 100% chi thường xuyên (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	28	
6.5.	Số lượng đơn vị SNCL đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Cơ quan, đơn vị	0	
7.	Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số			
7.1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	0	
7.2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND các huyện. Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh đến 100% UBND cấp huyện, cấp xã.	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
7.3.	Hệ thống thông tin báo cáo và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	Chưa = 0 Đang làm = 1	0	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
		Hoàn thành = 2		
7.4.	Tỷ lệ cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã được cấp chứng thư số.	%	100	
7.5.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
7.6.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
7.6.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		100	
Trong đó	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh	%		
	Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện	%	100	
7.6.2.	Tổng số VĂN BẢN ĐI giữa các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh	Văn bản		
Trong đó	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử (Sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử)	%	100	Không bao gồm các văn bản mật
	Tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử và song song với văn bản giấy	%	100	Không bao gồm các văn bản mật
7.7.	Vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
7.7.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
7.7.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
7.8.	Dịch vụ công trực tuyến			
7.8.1.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3	TTHC	0	
7.8.2.	Tổng số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 4	TTHC	270	Theo cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh Bình Dương

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
7.8.3.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 3	%	0	
7.8.4.	Tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến mức độ 4	%	3.33%	5/150